

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26-01-2021

*Về việc “Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Văn Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Hòa

2. Bà Châu Thị Phương Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Biện Việt Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 471/2020/TLST-HNGĐ ngày 07/10/2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 502/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05/01/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1998

Nơi cư trú: Khu phố 06, phường P, Tp P, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Ông Trần Ngọc A, sinh năm 1996

Nơi cư trú: Khu phố 03, phường P, Tp P, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt bà D, vắng mặt ông A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D và ông Trần Ngọc A chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại UBND phường Phú Tài, Tp Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Khi chung sống với nhau do ông A không lo làm ăn nên vợ chồng hay cãi vã, dẫn đến vợ chồng không còn hòa hợp trong cuộc sống. Mặc dù bà D có khuyên nhủ nhưng ông A vẫn không thay đổi nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc,

đến khoảng tháng 8/2019 cho đến nay ông bà không còn chung sống với nhau, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai.

Tại phiên tòa hôm nay bà D xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng cũng không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, cùng nhau chia sẻ công việc gia đình, cũng như giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Bà D khai giữa bà và ông A có 01 con chung tên Trần Ngọc Ánh, sinh ngày 23/12/2017. Hiện nay cháu Ánh đang được bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà D yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn và chưa yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Trần Ngọc A đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần cũng như tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng như Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông A cũng không đến Tòa án và cũng không trình bày ý kiến của mình.

Vụ án không hòa giải được do ông A không đến tòa.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Bị đơn chấp hành chưa đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử, xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Trần Ngọc A; Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc Ánh, sinh ngày 23/12/2017 cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Bà D chưa yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con nên không xét; Về tài chung và nợ chung: Bà D chưa yêu cầu giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị D yêu cầu ly hôn ông Trần Ngọc A và yêu cầu được nuôi con chung. Bị đơn ông Trần Ngọc A cư trú tại Khu phố 03, phường P, Tp P, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Ngọc A đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; Căn cứ điểm

b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xử vắng mặt ông A.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D và ông Trần Ngọc A có đăng ký kết hôn ngày 19/11/2017 tại Ủy ban nhân dân phường Phú Tài, Tp Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận theo Trích lục kết hôn số 53/TLKH-BS ngày 01/10/2020 nên quan hệ hôn nhân của ông A và bà D là hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà D xác định trong quá trình chung sống vợ chồng hay phát sinh mâu thuẫn do ông A không lo làm ăn dẫn đến cãi vã, bà D cũng khuyên nhủ nhưng ông A vẫn không thay đổi, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, Khoảng tháng 8 năm 2019 cho đến nay ông bà không còn chung sống với nhau, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Nay bà D xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng cũng không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, cùng nhau chia sẻ công việc gia đình, cũng như giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình*”; theo khoản 2 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, trù trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác*” và theo Điều 21 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ, chồng có nghĩa vụ tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau*”.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được*”.

Từ quy định được viện dẫn nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy bà D và ông A không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình và cũng không còn giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau; Dẫn đến vợ chồng không còn chung sống với nhau nên đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định Điều 19 và Điều 21 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa hôm nay ông A vẫn không có mặt chứng tỏ ông đã khước từ quyền tham gia tố tụng để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình, nên việc xét xử vắng mặt ông A là phù hợp theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đảm bảo quyền lợi chính đáng của đương sự còn lại trong vụ án.

Từ những nhận định trên, cho thấy yêu cầu ly hôn của bà D là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật và đã thỏa mãn điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Bà D khai giữa bà và ông A có 01 con chung tên Trần Ngọc Ánh, sinh ngày 23/12/2017. Bà D yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Ánh đang được bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và bà D yêu cầu được tiếp tục nuôi con sau khi ly hôn; Ông A không có ý kiến về yêu cầu nuôi con chung của bà D. Vì vậy Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Ánh cho bà D chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo điều kiện tốt nhất cho cháu Ánh.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D chưa yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử đã giải thích nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn nhưng bà D vẫn giữ yêu cầu chưa yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện của bà D nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà D chưa yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp Phan Thiết tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, 21, 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Trần Ngọc A.

Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc Ánh, sinh ngày 23/12/2017 cho bà Nguyễn Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Bà D chưa yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị D và ông Trần Ngọc A có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Ông A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị D đã nộp đủ án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007954 ngày 07/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Thị D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Ông Trần Ngọc A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND Tp Phan Thiết;
- Chi cục THADS Tp Phan Thiết;
- Cơ quan đã thực hiện việc ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

QUÁCH VĂN HOÀNG